国家级一流本科专业建设点系列教材

高等学校外语非通用语专业系列教材

下载“世图粤读”APP，
搜索书名，获取免费录音。

NGHE NÓI NHÌN TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP

综合越南语视听说

⊙ 韦凡州　[越]郑月兰　编著



世界图书出版公司

国家级一流本科专业建设点系列教材

高等学校外语非通用语专业系列教材

NGHE NÓI NHÌN TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP

综合越南语视听说

⊙ 韦凡州　[越]郑月兰　编著



世界图书出版公司
广州・上海・西安・北京

图书在版编目（CIP）数据

综合越南语视听说 / 韦凡州，（越）郑月兰编著. —广州：世界图书出版广东有限公司，2023.5
ISBN 978-7-5232-0155-8

Ⅰ. ①综… Ⅱ. ①韦… ②郑… Ⅲ. ①越南语—听说教学—高等学校—教材 Ⅳ. ①H449.4

中国版本图书馆CIP数据核字（2023）第064854号

书　　名	综合越南语视听说 ZONGHE YUENANYU SHITINGSHUO
编 著 者	韦凡州　［越］郑月兰
策划编辑	刘正武
责任编辑	魏志华
装帧设计	罗　兰
责任技编	刘上锦
出版发行	世界图书出版有限公司　世界图书出版广东有限公司
地　　址	广州市海珠区新港西路大江冲25号
邮　　编	510300
电　　话	020-84184026　84453623
网　　址	http://www.gdst.com.cn
邮　　箱	wpc_gdst@163.com
经　　销	各地新华书店
印　　刷	佛山市浩文彩色印刷有限公司
开　　本	787 mm × 1 092 mm　1/16
印　　张	12.25
字　　数	287千字
版　　次	2023年5月第1版　　2023年5月第1次印刷
国际书号	ISBN 978-7-5232-0155-8
定　　价	39.80元

版权所有　翻印必究
（如有印装错误，请与出版社联系）
咨询、投稿：020-34201910　weilai21@126.com

前　言

新时代背景下人类命运共同体、“一带一路”倡议等国家战略对外语人才培养及外语学科发展提出了新要求。以传授词汇、语法等语言知识，培养简单的、只限于与自己关系密切的校内外生活语言交际能力的传统教学内容已无法适应时代的需要。我们需要培养学生用外语关注、了解和讨论中外社会热点、国际时事，或者用外语向外国人介绍中国文化传统、政治体制的能力，同时视听说也是外语教学中的主要组成部分。鉴于此，我们编写了《综合越南语视听说》，作为广西民族大学越南语专业视听说课程教材，供二年级学生使用，也可供社会上有一定越南语基础的学习者作为自学用书。

本教材选材源自相关媒体于2017—2022年间发布的有关经济、社会、文化等各方面的音视频素材，内容新颖、详实，发音纯正、语言规范。内容设置从与日常学习生活紧密相关的热门话题到经济、文化、社会、法律、科技、外交等社会热点话题。内容由浅入深、由易到难，循序渐进。习题多样、不枯燥，且体例规范。视听部分习题包括判断、选择、填空、简答等题型，讨论题主要针对视听材料相关话题，结合学习者自身经验及国内相关问题进行讨论或评判。

本书共24课，每课分设4个部分，其中第一部分为短录音，主要设简短新闻2则；第二部分为较长录音，主要以通讯、采访或讨论等形式呈现，一般为1—2段录音；第三部分为特定主题视频1段；第四部分围绕前三部分所涉问题提出议题，供学习者讨论，进行语言输出。本书从视听资料的筛选、剪辑到习题的设置，旨在为学习者提供准确、规范的语言知识及各领域信息、文化的同时，巧妙引导学习者进行“思政”，以期达到培养学习者语言应用能力及教书育人的目的。

本教材的编写与出版，得到了广西民族大学、广西民族大学东语学院领导以及世界图书出版公司的大力支持，在此致以衷心的感谢。

囿于知识、经验和精力，教材中倘有不妥或错漏之处，恳请各位专家、同行及广大读者批评指正。

编　者

2023年4月，于民大相思湖畔

Mục lục 目录

Bài 1 Thời gian 第一课 时间 …… 1

Phần I Sử dụng thời gian 时间的使用 …… 1

Phần II-A Tiết kiệm thời gian 节省时间 …… 2

Phần II-B Bài hát "Thời gian đi đâu mất rồi" 歌曲《时间都去哪儿了》 …… 4

Phần III Bạn có đang "tiêu xài" lãng phí thời gian 你是否在浪费时间 …… 5

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 6

Bài 2 Sở thích 第二课 爱好 …… 7

Phần I-A Ước mơ hội họa của kiến trúc sư 建筑师的画家梦 …… 7

Phần I-B Quán cà phê kí ức 记忆咖啡馆 …… 8

Phần II Khởi nghiệp từ niềm đam mê 将爱好变事业 …… 9

Phần III Câu chuyện ông già giữ nghề khắc bút 刻笔传承人的故事 …… 11

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 12

Bài 3 Du lịch 第三课 旅游 …… 13

Phần I-A 10 điểm đến thú vị của Hà Nội 河内的10个好去处 …… 13

Phần I-B Ngành du lịch Huế 顺化的旅游业 …… 15

Phần II Bà Nà Hills – Điểm đến hàng đầu của Đà Nẵng
巴拿山——岘港的著名景点 …… 16

Phần III Thành cổ của Việt Nam 越南古城 …… 18

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 19

Bài 4 Chi tiêu mua sắm 第四课 购物与消费 …… 20

Phần I-A Chi tiêu mua sắm Tết 置办年货开销 …… 20

Phần I-B Làm thế nào để chi tiêu tiết kiệm ngày Tết 如何节省过年开支 …… 21

Phần II Mua sắm online 线上购物 …… 22

Phần III Cần trọng khi mua sắm dịp Black Friday 周末促销，抢购需谨慎 …… 24

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 25

Bài 5 Ẩm thực 第五课 饮食 …… 26

Phần I-A Cốm Vòng 望村扁米 …… 26

Phần I-B Phở Hà Nội 河内米粉 …… 27

Phần II Món ăn Việt Nam đa dạng, nhiều màu sắc 多姿多彩的越南美食 …… 28

Phần III Món ngon tiến vua ở xứ Huế 顺化宫廷美食 …… 30

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 31

Bài 6 Giải trí 第六课 娱乐 …… 32

Phần I-A Cuộc thi sáng tác ca khúc dành cho tuổi trẻ 青少年歌曲创作大赛 …… 32

Phần I-B Các sự kiện âm nhạc 音乐活动 …… 33

Phần I-C Tin điện ảnh 影视新闻 …… 33

Phần II Liên hoan phim khoa học 科技电影节 …… 34

Phần III Hệ lụy của thực trạng sống ảo 虚拟生活的不良影响 …… 36

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 37

Bài 7 Thể dục – Thể thao 第七课 体育运动 …… 38

Phần I-A Bóng đá Việt Nam 越南足球 …… 38

Phần I-B Đại hội thể thao châu Á 2018第18届亚洲运动会 …… 39

Phần II World Cup 2018 2018年世界杯 …… 40

Phần III Top 9 môn thể thao giúp tăng chiều cao nhanh nhất
助力长高效果最好的9种运动 …… 41

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 42

Bài 8 Tình bạn 第八课 友情 …… 43

Phần I-A Làm thế nào để chọn một người bạn tốt 如何结交一个好朋友 …… 43

Phần I-B Ý nghĩa của tình bạn 友情的意义 …… 44

Phần II Tình bạn thời mạng xã hội 社交网络时代的友情 …… 45

Phần III Câu chuyện màu sắc tình bạn 友谊的色彩 …… 47

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 48

Bài 9 Tình yêu – Hôn nhân 第九课 爱情—婚姻 …… 49

Phần I-A Nói "không" với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống
与早婚和近亲结婚说"不" …… 49

Phần I-B Đám cưới cổ tích 童话般的婚礼 …… 50
Phần II Điều quan trọng nhất trong cuộc sống hôn nhân 婚姻中那些最重要的事 … 51
Phần III Nguồn gốc về quan niệm tình yêu của chúng ta 我们的爱情观源自哪里? … 53
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 54
Bài 10 Nghệ thuật truyền thống 第十课 传统艺术 …… 55
Phần I-A Múa rối nước 水上木偶戏 …… 55
Phần I-B Hát chèo 嘲剧 …… 56
Phần II-A Dân ca quan họ 官贺民歌 …… 57
Phần II-B Ca trù 歌筹 …… 58
Phần III Lớp học làm tranh sơn mài dành cho người nước ngoài
专为外国人开办的磨漆画制作班 …… 59
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 60
Bài 11 Làng nghề truyền thống 第十一课 传统手工艺村 …… 61
Phần I-A Nghề nón lá làng Chuông 钟村斗笠 …… 61
Phần I-B Làng nghề mây tre đan Phú Vinh 富荣竹藤编手工业村 …… 62
Phần II Làng tranh dân gian Đông Hồ 东湖民间画手工艺村 …… 63
Phần III Một ngày trải nghiệm ở làng gốm Bát Tràng
在钵场陶瓷村体验的一天 …… 65
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 66
Bài 12 Các ngày lễ tết 第十二课 节日 …… 67
Phần I-A Tết Hàn thực 寒食节 …… 67
Phần I-B Tết Đoan ngọ 端午节 …… 68
Phần II-A Lễ Vu Lan 盂兰盆节 …… 68
Phần II-B Tết Trung thu 中秋节 …… 70
Phần III Tết Nguyên đán 春节 …… 71
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 72
Bài 13 Đạo đức và nếp sống trong gia đình 第十三课 家庭美德 …… 73
Phần I-A Nâng cao vị thế của phụ nữ trong gia đình 提升女性在家庭中的地位 … 73
Phần I-B Sự đồng cảm trong gia đình nhiều thế hệ 多代家庭成员间的共情 …… 74

Phần II-A Văn hóa ứng xử trong gia đình 家庭相处文化 …… 76
Phần II-B Giá trị truyền thống gia đình 家庭传统美德 …… 77
Phần III Đôi bàn tay của mẹ 母亲的双手 …… 78
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 79
Bài 14 Đạo đức và văn hóa ứng xử trong trường học 第十四课 校园美德 …… 80
Phần I-A Văn hóa tôn sư trọng đạo tại một số quốc gia trên thế giới
世界上一些国家的尊师重道文化 …… 80
Phần I-B Xây dựng quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học
校园文明规范建设 …… 81
Phần II Nhà giáo Chu Văn An 越南古代教育家朱文安 …… 82
Phần III Tôn sư trọng đạo 尊师重道 …… 84
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 85
Bài 15 Giao thông 第十五课 交通 …… 86
Phần I-A Xe ôm truyền thống lép vế xe ôm công nghệ
网约摩的——传统摩的的新挑战 …… 86
Phần I-B Minibus 小型公共汽车 …… 87
Phần II Tái cơ cấu ngành đường sắt Việt Nam 越南推进铁路行业结构调整 … 88
Phần III Xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng 公共交通文化建设 …… 90
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 91
Bài 16 Giáo dục 第十六课 教育 …… 92
Phần I-A Việt Nam đổi mới giáo dục 越南教育改革 …… 92
Phần I-B Tin giáo dục 教育新闻 …… 93
Phần II Chọn học nghề 选择职业教育 …… 95
Phần III Phương pháp học tập hiệu quả 高效的学习方法 …… 96
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 97
Bài 17 Nguồn nhân lực – Việc làm 第十七课 人力资源与就业 …… 98
Phần I-A Báo động tình trạng thanh niên thất nghiệp 青年失业状况堪忧 …… 98
Phần I-B Sinh viên tìm việc làm thêm 大学生兼职 …… 99
Phần II Nguồn nhân lực Việt Nam 越南人力资源 …… 100

Phần III Bí quyết tìm việc làm 求职秘籍 …… 102
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 103
Bài 18 Khí hậu – Môi trường 第十八课 气候—环境 …… 104
Phần I-A Rác thải nhựa 白色垃圾 …… 104
Phần I-B Đẩy mạnh hoạt động tiêu dùng xanh 推动绿色消费 …… 105
Phần II Sống chung với biến đổi khí hậu 与气候变化共处 …… 106
Phần III Bảo vệ môi trường 保护环境 …… 109
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 110
Bài 19 Y tế 第十九课 医疗卫生 …… 111
Phần I-A Việt Nam điều chỉnh giá dịch vụ y tế 越南调整医疗服务价目 …… 111
Phần I-B Ứng dụng rô-bốt trong y tế 机器人在医疗领域的应用 …… 112
Phần II Tình trạng kháng thuốc kháng sinh 抗生素的耐药状况 …… 113
Phần III Danh y Biển Thước 名医扁鹊 …… 115
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 116
Bài 20 Tài chính – Ngân hàng 第二十课 金融—银行 …… 117
Phần I-A Ngân hàng điện tử 电子银行 …… 117
Phần I-B Cần tăng cường bảo mật thẻ ngân hàng 加强银行卡安全管理 …… 118
Phần II-A Thẻ tín dụng 信用卡 …… 119
Phần II-B Thực tế phát triển ngân hàng số ở Việt Nam
越南数字银行的发展现状 …… 120
Phần III Tín dụng đen sẽ bị đẩy lùi 杜绝非法借贷 …… 121
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 122
Bài 21 Nhà ở – Bất động sản 第二十一课 住房—不动产 …… 124
Phần I-A New York dư thừa bất động sản hạng sang 纽约豪宅供应过剩 …… 124
Phần I-B Tình trạng đầu cơ bất động sản ở Trung Quốc 中国不动产投资状况 … 125
Phần II Thị trường bất động sản Việt Nam năm 2018
2018年越南不动产市场 …… 126
Phần III Thực trạng nhà ở xã hội và nhà ở giá rẻ ở Việt Nam
越南社会保障房现状 …… 128
Phần IV Luyện nói 练口语 …… 129

Bài 22 Pháp luật 第二十二课 法律 …… 130

Phần I-A Dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi năm 2020 2020年越南投资法修改草案 … 130

Phần I-B Dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi năm 2020
2020年越南个人所得税法修改草案 …… 131

Phần II Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2019 2019年越南劳动法修正案 …… 132

Phần III Thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của người nước ngoài
外国公司如何在越南设立办事处 …… 134

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 135

Bài 23 Khoa học công nghệ 第二十三课 科学技术 …… 136

Phần I-A Ứng dụng công nghệ Internet trên di động 移动互联网技术应用 …… 136

Phần I-B Trung Quốc ứng dụng công nghệ cao đảm bảo một kỳ Thế vận hội an
toàn, xanh và sạch 中国用高科技打造安全、环保奥运会 …… 137

Phần II Công nghệ chế tạo vệ tinh của Việt Nam 越南的卫星研发 …… 138

Phần III Khoa học công nghệ trong tương lai 未来科技 …… 140

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 142

Bài 24 Tình hữu nghị Trung – Việt 第二十四课 中越友谊 …… 143

Phần I-A Bệnh viện Nam Khê Sơn 南溪山医院 …… 143

Phần I-B Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gặp mặt lãnh đạo Hội Hữu nghị
越共中央总书记阮富仲会见中国人民对外友好协会领导 …… 144

Phần II Tuyến xe nhanh 1369 1369生命直通车 …… 145

Phần III Khu học xá Trung ương Việt Nam 越南育才学校 …… 147

Phần IV Luyện nói 练口语 …… 149

部分练习参考答案 …… 150

Bảng tra từ mới 生词总表 …… 153

Bài 1 Thời gian
第一课　时间

Phần I　Sử dụng thời gian 时间的使用

扫码做练习

Từ mới

lo 担心，操心
cơ quan 单位
sắm sửa 购物
thiết bị điện tử thông minh 智能电子设备
trẻ nhỏ 孩童
sóng điện từ 电磁波
não 大脑
đông máu 凝血
trì trệ 迟钝
cấm 禁止
chậm chạp 迟钝，迟缓
nặng nề 沉闷，沉重
trải nghiệm 体验
sự tích 事迹
cây nêu 幡竿，迎春竿
bánh chưng 粽子
lì xì 红包，利是
ông Táo 灶王爷
dọn dẹp 收拾
trang hoàng 装潢，装饰
nhà cửa 房屋
câu đối 对联
khéo tay 手巧
ngộ nghĩnh 可爱

Các bạn hãy nghe ghi âm và phán đoán các câu sau đúng hay sai:

1. Tiến sĩ Vũ Thu Hương được mời phỏng vấn trong chương trình này. (　　)
2. Thời điểm trước Tết, cha mẹ bận đi làm thêm. (　　)
3. Nhiều gia đình cho con chơi iphone, ipad và xem ti vi để cho hết thời gian. (　　)
4. Điều này có nguy hại đối với mắt của trẻ nhỏ. (　　)
5. Sóng điện từ có thể gây ra hiện tượng đông máu. (　　)
6. Ở nước Đức, trẻ em từ 0 – 4 tuổi bị cấm sử dụng các thiết bị điện tử. (　　)
7. Ở nước Đức, trẻ em từ 4 tuổi trở lên được sử dụng các thiết bị điện tử 15 phút mỗi ngày. (　　)

8. Ở Việt Nam, trẻ em sử dụng các thiết bị điện tử quá nhiều. (　　)

9. Trẻ em bây giờ so với trẻ em ngày xưa thì cao lớn và nhanh nhẹn hơn. (　　)

10. Cha mẹ nên kể cho con nghe các sự tích, cho con tham gia dọn dẹp nhà cửa hoặc cùng mua sắm trong dịp Tết. (　　)

Phần II-A　Tiết kiệm thời gian 节省时间

扫码做练习

Từ mới

tiết kiệm 节约，节省	sử dụng thoải mái 随便用
I-ta-li-a 意大利	tụ tập 聚会
tươi sáng 光明	chè chén 大吃大喝
nhận thức［动］意识；［名］认识	chém gió（网络语言）吹牛，闲聊
hướng tới 面向，向往	lãng phí, phí phạm, phung phí 浪费
đẩy mạnh 推进，加强	khỏa lấp 填满
Nhật Bản 日本	thời gian trống 空闲时间
Phần Lan 芬兰	lướt web 漫无目的地浏览网页
Ấn Độ 印度	sàn nhảy 舞厅，迪厅
dư thừa 多余，有余，剩余	trà chanh 柠檬茶

Các bạn hãy nghe ghi âm và chọn một hoặc nhiều đáp án cho các câu sau:

1. Ngày Tiết kiệm Thế giới là ngày nào? (　　)

A. Năm 1924.　　B. Năm 1934.

C. Ngày 31 tháng 1.　　D. Ngày 31 tháng 10.

2. Lần đầu tiên Việt Nam đã phát động tuần lễ với chủ đề là gì? (　　)

A. Tiết kiệm hôm nay, hướng tới ngày mai.

B. Tiết kiệm hôm nay, tươi sáng ngày mai.

C. Nâng cao nhận thức, hướng tới tương lai.

D. Đẩy mạnh các hoạt động tiết kiệm của toàn xã hội.

3. Vì sao ngày nay nhiều người dân dường như đã lãng quên ngày Tiết kiệm Thế giới? ( )

A. Ý thức tiết kiệm đã phổ biến.

B. Ý nghĩa của ngày này vẫn còn giá trị lâu dài.

C. Nhiều người dân không biết ngày Tiết kiệm Thế giới.

D. Kinh tế phát triển, người dân không cần tiết kiệm.

4. Trong cuộc sống ngày nay, thời gian có ý nghĩa như thế nào đối với nhiều người? ( )

A. Thời gian là tiền bạc.

B. Thời gian quý hơn vàng.

C. Thời gian là không đủ

D. Thời gian là dư thừa.

5. Theo chị ấy, các bạn trẻ mất thời gian vào những việc gì? ( )

A. Tụ tập ăn uống.

B. Chơi máy di động.

C. Chè chén, chém gió.

D. Tham gia hoạt động của trường, lớp.

6. Theo chị ấy, các bạn trẻ bao lâu gặp bạn bè một lần thì hợp lý? ( )

A. Ngày nào cũng gặp.

B. Một tuần một hai lần.

C. Một tuần ba bốn lần.

D. Mỗi tháng một lần.

7. Theo chị ấy, các bạn trẻ nên làm gì vào thời gian rảnh rỗi? ( )

A. Chơi máy di động.

B. Học tập, đi làm thêm.

C. Gặp bạn bè.

D. Tham gia hoạt động xã hội.

8. Những việc nên làm đó có những tác dụng gì? ( )

A. Phát triển kỹ năng.

B. Có thêm thu nhập.

C. Thư giãn tinh thần.

D. Khỏa lấp thời gian trống.

9. Chị ấy có thói quen xấu gì cần thay đổi? ( )

A. Lướt web.

B. Lên mạng nhiều giờ.

C. Đọc tin tức không có chọn lọc.

D. Đọc báo điện tử.

10. Theo anh ấy, giới trẻ hiện nay phung phí thời gian vào những việc gì? ( )

A. Đi quán bar, sàn nhảy.

B. Chơi trò chơi điện tử.

C. Ngồi trà chanh chém gió.

D. Làm việc không phù hợp với độ tuổi.

Phần II-B Bài hát "Thời gian đi đâu mất rồi" 歌曲《时间都去哪儿了》

Từ mới

扫码做练习

chồi non 嫩芽
chứa chan 充满，洋溢，饱含
lưu giấu 隐藏
tóc bạc 白发
bàn chân 脚步
tíu tít 忙乱
bí bo 咿呀
trao 交，交付
chầm chậm 慢慢的
tuổi thanh xuân 青春期
chăm nom 照看
đền ơn 报恩
in / hằn 留痕
vệt nhăn, nếp nhăn 皱纹
má 颊
chớp mắt 转眼
loay hoay 忙活，忙乎
nhìn lại 回眸，回顾

Các bạn hãy nghe bài hát và điền từ ngữ vào các chỗ trống sau:

THỜI GIAN ĐI ĐÂU MẤT RỒI

Nguyên tác: Trần Hy, Đổng Đông Đông; Lời: Lee Phú Quý
Hàng cây khô nhú (1)_____ chồi non
Sau vườn nhà cây cũng nở (2)_____
Cố nén chặt (3)_____ chứa chan
Rồi lưu giấu (4)_____ mái tóc bạc.

Bàn chân tíu tít (5)_____ ngày xưa
Thêm cái (6)_____ tròn tròn bí bo
Nguyên cả đời trao trọn (7)_____
Để (8)_____ tiếng thân thương "mẹ cha".

[ĐK:]
Chầm chậm chút thôi thời gian
Chưa nghe thấy hết tuổi thanh xuân nhưng sao (9)_____
(10)_____ gạo tiền thì bấy lâu
Không mong ngày sau đền ơn chỉ mong con (11)_____.

Chầm chậm chút thôi thời gian
Chưa chăm nom cháu mắt đã hoa (12)_____ ngày ngày tháng qua
Có chăng cũng là giờ mới hay
In sâu vệt nhăn (13)_____ má chớp mắt ngoảnh đi ngoảnh lại.
(Loay hoay nhìn lại mới thấy mắt môi hằn những nếp nhăn)

Phần III Bạn có đang "tiêu xài" lãng phí thời gian 你是否在浪费时间

扫码做练习

Từ mới

trước Công nguyên (TCN) 公元前	trân trọng 珍惜
nhà sư 和尚	chắt chiu 节省
giá trị 价值	sự thật 事实
sợi dây thừng 绳子	đáng buồn 可悲
thắt nút 打结	tiếc nuối 惋惜
trần nhà 天花板	từng giây từng phút 每分每秒
một khi 一旦	lên lịch / lên kế hoạch 计划，提上日程
chùa 寺庙	áp dụng 适用
bị cháy 被烧	độ lỏng / tính lỏng 可变性，灵活性
đục lỗ 打孔	lập trình viên 编程员
công nghệ 工艺	phần mềm 软件
đồng hồ 时钟	lịch trình 历程，日程
chi tiêu 花费，开支	truy cập 浏览
dè sẻn 节省，节约	học bù 补课
két sắt 保险柜	hỗ trợ 帮助，扶持

Các bạn hãy xem video và trả lời các câu hỏi sau:

1. Thời Trung Quốc cổ đại, các nhà sư đã làm thế nào để lấy ví dụ cho học sinh hiểu về giá trị của thời gian?

2. Các nhà sư đã làm gì để chứng tỏ một khi thời gian đã trôi qua là không thể lấy lại được?

3. Điều này dẫn đến hậu quả gì?

4. Sau đó các nhà sư đã lấy gì làm ví dụ để an toàn và tiết kiệm chi phí hơn?

5. Mặc dù ngày nay người ta đã không còn sử dụng những cách đó để thiết kế đồng hồ nữa nhưng những bài học về giá trị của thời gian có thay đổi không?

6. Thời gian có gì khác với tiền?

7. Để có thể sử dụng thời gian một cách hiệu quả và hợp lý, chúng ta phải làm gì?

8. Cách lập thời gian biểu truyền thống như thế nào?

9. Các lập trình viên đã thiết kế ra rất nhiều App hay phần mềm như thế nào?

10. Để giúp cho chúng ta có động lực trong quá trình lên kế hoạch cá nhân, tác giả cuốn sách "Successful Time Management" đưa ra một số mẹo gì?

Phần IV Luyện nói 练口语

1. Các bạn thường làm gì vào thời gian rảnh rỗi?
2. Để sử dụng thời gian hợp lý và có hiệu quả, theo bạn chúng ta phải làm gì? Các bạn hãy thảo luận theo nhóm nhỏ rồi phát biểu ý kiến.

Bài tập về nhà: Hãy tóm tắt nội dung chính của các ghi âm và video trong bài.

Bài 2 Sở thích
第二课　爱好

Phần I-A　Ước mơ hội họa của kiến trúc sư 建筑师的画家梦

扫码做练习

Từ mới

đam mê / say mê 迷恋，沉醉于	hội họa 绘画
mỹ thuật 美术	giá vẽ 画架
về hưu 退休	rảnh rỗi 闲暇，空闲
kiến trúc sư 建筑师	máy ảnh 相机
mơ ước 梦想	khoảnh khắc 顷刻，瞬间
triển lãm 展览	nguồn 来源，源
họa sĩ 画家	tư liệu 资料
đầu tay 首次的（创作，处女作）	tư gia 私宅
chuyên nghiệp 专业	phòng vẽ 画室
nuôi dưỡng 供养，抚养，培养	thỏa sức 尽情

Các bạn hãy nghe ghi âm và điền từ ngữ vào các chỗ trống sau:

Đam mê mỹ thuật từ (1)_____, nhưng đến khi về hưu, Tiến sĩ kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Bình mới (2)_____ được con đường nghệ thuật mơ ước của mình (3)_____ một triển lãm đầu tay mang tên "(4)_____". Không phải là một họa sĩ chuyên nghiệp, nên (5)_____ nuôi dưỡng niềm đam mê hội họa của mình, trong các chuyến công tác hay đi (6)_____, ông đều mang theo giá vẽ để (7)_____ vẽ ngay khi rảnh rỗi, rồi cả bút giấy để ký họa (8)_____ khi không có đủ thời gian. Điều đặc biệt, bên cạnh ông lúc nào cũng (9)_____một chiếc máy ảnh để (10)_____ những khoảnh khắc, màu sắc của cuộc sống. Và đây cũng là một nguồn tư liệu để ông (11)_____ các bức vẽ sau này. Tại tư gia, kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Bình cũng (12)_____ một khoảng không gian làm phòng vẽ để nơi ông (13)_____ thỏa sức với niềm say mê hội họa của mình.